

**H TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 193/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 17-9-2021

V/v tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Trung Hiếu.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Trần Văn Nghiệm.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Ngọc Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Hiền – Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021, về tranh chấp: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 75/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2021/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2021 và Thông báo dời phiên tòa số 50/2021/TB-TA ngày 12 tháng 8 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1998.

Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Đặng Khánh T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị H và anh T có đơn xin vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn xin vắng mặt, theo đơn xin ly hôn và bản tự khai; chị H trình bày:**

Về hôn nhân: Năm 2018, chị H sống chung với anh T, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Trong thời gian sống chung, chị H với anh T phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chị H với anh T đã ly thân, hiện nay không còn sống chung. Tình cảm không còn, chị H yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 01/3/2020; cháu Vy đang sống chung với chị H. Nay chị H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra chị H không yêu cầu gì khác.

**\* Bị đơn anh Đặng Khánh T có đơn xin vắng mặt, nhưng theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai, anh T trình bày:**

Thống nhất theo nội dung đơn ly hôn của chị H; anh T sống chung với chị H vào năm 2018, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Do bất đồng quan điểm sống, anh T với chị H đã ly thân, hiện nay không còn sống chung.

Về hôn nhân: Anh T đồng ý ly hôn chị H.

Về con chung: Anh T và chị H có 01 con chung tên là Đặng Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 01/3/2020; cháu Vy đang sống chung với chị H. Anh T đồng ý giao cháu Vy cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra anh T không yêu cầu gì khác.

**\* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:**

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng các thủ tục tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án, đề nghị:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị H. Cho chị H được ly hôn anh T.

+ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu của chị H. Giao cháu Đặng Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 01/3/2020 cho chị H trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo các tình tiết của vụ án và yêu cầu của đương sự Hội đồng xét xử xác định quan hệ giữa các bên là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; nên xem xét, giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Xét thấy nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc H và bị đơn anh Đặng Khánh T có đơn xin vắng mặt và có lời khai thể hiện ý kiến. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Theo lời trình bày và yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về hôn nhân: Năm 2018, chị H sống chung với anh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang. Do mâu thuẫn gia đình và bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị H đã ly thân anh T, hiện nay không còn sống chung. Tình cảm giữa chị H và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân

không đạt được; chị H yêu cầu ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trong các lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, anh T vắng mặt, nhưng theo bản tự khai và biên bản lấy lời khai, anh T đồng ý ly hôn chị H; do đó, Hội đồng xét xử cho chị H ly hôn anh T.

- Về con chung: Chị H với anh T 01 con chung tên là Đặng Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 01/3/2020, đang sống chung với chị H. Chị H yêu cầu tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vy. Xét cháu Vy đang sống chung với chị H và để ổn định về tinh thần của cháu; đồng thời anh T đồng ý giao cháu Vy cho anh H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; do đó giao cháu Vy cho chị H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng; anh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

[4] Về án phí: Chị H phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[5] Xét ý kiến, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở, nên chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Căn cứ:** - Các Điều 51, 56, 57, 58 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.  
- Điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.  
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.  
- Luật thi hành án dân sự.

**Xử:** Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Đặng Khánh T.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Nguyễn Tường Vy, sinh ngày 01/3/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Đặng Khánh T được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

5. Về án phí:

+ Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0017345 ngày 20/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, nên chị H đã nộp xong án phí.

+ Anh T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Chị H và anh T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết công khai bản án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã V;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**Lê Trung Hiếu**